

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Tuấn, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG
THỪA THIÊN HUỆ**

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|--------------|
| 1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 02 - 05 |
| 2. Báo cáo kiểm toán độc lập | 06 - 07 |
| 3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 08 - 09 |
| 4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 10 |
| 5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 11 |
| 6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 12 - 37 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế) theo Quyết định số 139/QĐUBND ngày 16/01/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3103000161 ngày 10/02/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập cho đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/09/2018 với mã số doanh nghiệp là 3300101011.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 64/2009/GCNCP-VSD ngày 02/10/2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là GTH

Vốn điều lệ: 27.355.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2020: 27.355.000.000 đồng

Các đơn vị trực thuộc của Công ty: Công ty có 12 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

- Chi nhánh Quảng Trị;
- Chi nhánh Quảng Điền;
- Nhà máy gạch Tuynen Hải Lăng;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 1;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 2;
- Xí nghiệp Xây lắp 6;
- Xí nghiệp Thi công Cầu;
- Xí nghiệp Cơ Khí;
- Đội liên kết xây dựng số 1;
- Đội liên kết xây dựng số 3;
- Đội liên kết xây dựng số 4;
- Cửa hàng xăng dầu An Lễ.

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
- Điện thoại : (+84) 0234.3812849
- Fax : (+84) 0234.3823846

3. **Ngành nghề kinh doanh chính:** Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực bao gồm: hoạt động xây lắp, khai thác và sản xuất đá xây dựng,....

4. **Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1. **Hội đồng quản trị**

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---------------------|--------------|----------------------------|-----------------|
| Bà Ngô Thị Lệ Hương | Chủ tịch | 28/08/2020 | |
| Ông Nguyễn Đăng Bảo | Phó Chủ tịch | 28/08/2020 | |
| Ông Trần Chính | Thành viên | 11/06/2019 | |
| Ông Phạm Văn Đức | Thành viên | 11/06/2019 | |
| Ông Đặng Quý | Thành viên | 11/06/2019 | |

4.2. **Ban Kiểm soát**

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|----------------------|------------|----------------------------|-----------------|
| Ông Trần Quang | Trưởng ban | 11/06/2019 | |
| Bà Đỗ Thị Thanh Bé | Thành viên | 11/06/2019 | |
| Ông Nguyễn Tri Thiện | Thành viên | 11/06/2019 | |

4.3. **Ban điều hành**

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---------------------|-------------------|----------------------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Đăng Bảo | Tổng Giám đốc | 12/06/2019 | |
| Ông Đoàn Anh Hải | Phó Tổng Giám đốc | 28/06/2019 | |
| Bà Ngô Thị Lệ Hương | Kế toán trưởng | 28/06/2019 | |

5. **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ |
|---------------------|---------------|
| Ông Nguyễn Đăng Bảo | Tổng Giám đốc |

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 37.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐĂNG BẢO

Tổng Giám đốc

Huế, ngày 27 tháng 03 năm 2021



Số: 21/2021/BCKT/AUD-DNVVLUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế, được lập ngày 27 tháng 03 năm 2021, từ trang 08 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày lồng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

5-0
IÁN
Y TR
VÀ Y
V V
SI
IANG
TP.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2021

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- **VIETVALUES**



Trần Xuân Thành - P.Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNĐKHN số: 1650-2018-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN số: 3402-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

DVT: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 197.357.945.839 | 200.274.714.630 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | V.1 | 18.873.331.598 | 14.074.112.453 |
| 111 | 1. Tiền | | 18.873.331.598 | 14.074.112.453 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | - | - |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | - | - |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 80.197.211.918 | 100.753.152.254 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | V.2 | 46.966.466.376 | 65.032.163.882 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | V.3 | 21.407.973.989 | 20.175.047.140 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | V.4 | 21.808.789.068 | 22.805.443.674 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | V.5 | (9.986.017.515) | (7.259.502.442) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | V.6 | 94.991.150.631 | 83.671.989.253 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 102.776.712.451 | 92.109.934.775 |
| 142 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | | (7.785.561.820) | (8.437.945.522) |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 3.296.251.692 | 1.775.460.669 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | V.9a | 955.020.363 | 336.668.981 |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 2.341.231.329 | 1.422.383.178 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | V.12 | - | 16.408.510 |
| 154 | 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | | - | - |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 27.320.013.473 | 28.043.380.546 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 331.433.386 | 322.497.107 |
| 211 | 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | | - | - |
| 216 | 2. Phải thu dài hạn khác | | 331.433.386 | 322.497.107 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 22.039.327.756 | 23.884.106.555 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | V.7 | 22.039.327.756 | 23.884.106.555 |
| 222 | - Nguyên giá | | 105.180.839.935 | 104.575.835.577 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (83.141.512.179) | (80.691.729.022) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | | - | - |
| 228 | - Nguyên giá | | - | - |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | - | - |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | | - | - |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | - | 44.951.406 |
| 241 | 1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn | | - | - |
| 242 | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | - | 44.951.406 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | | 100.000.000 | 440.000.000 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | - | - |
| 255 | 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | V.8 | 100.000.000 | 440.000.000 |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 4.849.252.331 | 3.351.825.478 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | V.9b | 4.849.252.331 | 3.351.825.478 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | - | - |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 224.677.959.312 | 228.318.095.175 |

CÔNG TY CP XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, P. Vỹ Dạ, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 191.214.095.519 | 195.008.274.247 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 191.203.853.200 | 190.574.013.928 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | V.10a | 68.355.517.353 | 69.503.761.963 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | V.11 | 39.680.623.927 | 21.694.497.789 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | V.12 | 8.474.232.525 | 9.460.635.710 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | V.13 | 4.203.380.179 | 4.616.741.425 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | V.14 | 355.688.856 | 706.279.000 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | V.15a | 12.001.732.083 | 11.429.284.998 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | V.16 | 57.878.714.239 | 72.826.186.011 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | V.17 | 253.964.038 | 336.627.032 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 10.242.319 | 4.434.260.319 |
| 331 | 1. Phải trả người bán dài hạn | V.10b | - | 4.419.518.000 |
| 337 | 2. Phải trả dài hạn khác | V.15b | 10.242.319 | 14.742.319 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 33.463.863.793 | 33.309.820.928 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | V.18 | 33.463.863.793 | 33.309.820.928 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 27.355.000.000 | 27.355.000.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 27.355.000.000 | 27.355.000.000 |
| 411b | - Cổ phiếu ưu đãi | | - | - |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | (126.000.000) | (126.000.000) |
| 418 | 8. Quỹ đầu tư phát triển | | 4.247.125.283 | 4.247.125.283 |
| 420 | 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | 945.955.533 | 945.955.533 |
| 421 | 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 1.041.782.977 | 887.740.112 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | 22.703.106 | 13.026.135 |
| 421b | - LNST chưa phân phối kỳ này | | 1.019.079.871 | 874.713.977 |
| 430 | II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | - | - |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 224.677.959.312 | 228.318.095.175 |

Tp. Huế, ngày 27 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



NGUYỄN VĂN HẬU

Kế toán trưởng



NGÔ THỊ LỆ HƯƠNG



Tổng Giám đốc

NGUYỄN ĐĂNG BẢO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

ĐVT: VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|-----------------|-----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.1 | 146.385.206.282 | 151.701.244.140 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 146.385.206.282 | 151.701.244.140 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | VI.2 | 127.624.159.167 | 133.132.008.833 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 18.761.047.115 | 18.569.235.307 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | VI.3 | 46.264.880 | 160.245.423 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | VI.4 | 6.969.733.246 | 7.138.425.193 |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | | 6.969.733.246 | 7.138.425.193 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | VI.5 | 3.100.778.287 | 2.731.144.447 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | VI.6 | 6.166.990.396 | 4.637.180.319 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 2.569.810.066 | 4.222.730.771 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | VI.7 | 134.807.476 | 94.067.806 |
| 32 | 12. Chi phí khác | VI.8 | 1.272.946.912 | 2.578.724.885 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | (1.138.139.436) | (2.484.657.079) |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 1.431.670.630 | 1.738.073.692 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | V.12 | 412.590.759 | 863.359.715 |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 1.019.079.871 | 874.713.977 |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | VI.9 | 354 | 304 |
| 71 | 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | VI.10 | 354 | 304 |

Người lập biểu



NGUYỄN VĂN HẬU

Kế toán trưởng



NGÔ THỊ LỆ HƯƠNG

Tp. Huế, ngày 27 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐĂNG BẢO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

DVT: VNĐ

| Mã số | Chi tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|-------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 1.431.670.630 | 1.738.073.692 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và BDS đầu tư | V.7 | 2.683.678.839 | 3.885.667.992 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | V.5, V.6 | 2.074.131.371 | 1.074.128.530 |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | 27.639.438 | (239.385.423) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | VI.4 | 6.969.733.246 | 7.138.425.193 |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 13.186.853.524 | 13.596.909.984 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | 16.918.049.343 | 5.111.851.100 |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | (10.666.777.676) | (6.501.933.207) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | | 11.335.871.380 | 5.094.174.213 |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | (2.115.778.235) | (1.023.756.630) |
| 13 | - Tăng giảm chứng khoán kinh doanh | | | |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (6.618.879.632) | (7.873.259.467) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | V.12 | (863.359.715) | (574.710.410) |
| 17 | - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | | (127.050.000) | (125.250.000) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 21.048.928.989 | 7.704.025.583 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | (876.943.861) | (597.499.246) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | 9.090.909 | 79.140.000 |
| 24 | 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 340.000.000 | - |
| 27 | 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | VI.3 | 46.264.880 | 160.245.423 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (481.588.072) | (358.113.823) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 33 | 1. Tiền thu từ đi vay | VII.1 | 91.525.891.202 | 104.765.903.072 |
| 34 | 2. Tiền trả nợ gốc vay | VII.2 | (106.473.362.974) | (112.138.111.552) |
| 36 | 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | V.15, V.18 | (820.650.000) | (919.466.920) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (15.768.121.772) | (8.291.675.400) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | 4.799.219.145 | (945.763.640) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 14.074.112.453 | 15.019.876.093 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | - |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | V.1 | 18.873.331.598 | 14.074.112.453 |

Người lập biểu

NGUYỄN VĂN HẬU

Kế toán trưởng

NGÔ THỊ LỆ HƯƠNG

Tp. Huế, ngày 27 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐĂNG BẢO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động xây lắp, khai thác và sản xuất đá xây dựng

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, giao thông;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng hạ tầng đô thị;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Thi công lưới điện hạ thế;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Thi công hệ thống cấp nước sinh hoạt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất bê tông đúc sẵn, thương phẩm;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông đúc sẵn, thương phẩm;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và theo tuyến cố định;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, khảo sát và thiết kế các công trình giao thông;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản phi quặng, khai hoang đồng ruộng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Gia công sửa chữa phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cung ứng phương tiện vật tư thiết bị, phụ tùng giao thông vận tải;
- Đại lý, môi giới, đầu giá. Chi tiết: Đại lý vận tải;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Thí nghiệm vật liệu xây dựng công trình giao thông.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh đối với hoạt động xây dựng công trình của Công ty thường kéo dài trên 12 tháng.

Các hoạt động khác chu kỳ kinh doanh thường không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Cấu trúc công ty

Công ty có 12 đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Quảng Trị;
- Chi nhánh Quảng Điền;
- Nhà máy gạch Tuynen Hải Lăng;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 1;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 2;
- Xí nghiệp Xây lắp 6;
- Xí nghiệp Thi công Cầu;
- Xí nghiệp Cơ Khí;
- Đội liên kết xây dựng số 1;
- Đội liên kết xây dựng số 3;
- Đội liên kết xây dựng số 4;
- Cửa hàng xăng dầu An Lỗ.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 158 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 164 nhân viên).

7. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch doanh thu – chi phí và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Dịch vụ hoàn thành: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến dịch vụ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chi phí khai thác mỏ đá

Chi phí khai thác mỏ đá được phân bổ theo thời gian thực tế trên giấy phép khai thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 07 - 25 năm |
| Máy móc và thiết bị | 04 - 11 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07 - 10 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 năm |
| Tài sản cố định khác | 15 năm |

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu;

Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị ghi sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ Công ty.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

11. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc gi giảm giá vốn hàng bán.

Giá vốn của hoạt động bất động sản đầu tư gồm có chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn.

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc cho giai đoạn từ ngày và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 11.841.514.622 | 13.611.042.995 |
| Tiền gửi ngân hàng | 7.031.816.976 | 463.069.458 |
| Cộng | 18.873.331.598 | 14.074.112.453 |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 46.966.466.376 | 65.032.163.882 |
| - Ban Quản lý Dự án 4 - Bộ Giao thông Vận tải | 8.206.046.869 | 10.891.444.869 |
| - Công ty CP QL và XDCT Giao thông Quảng Trị | 4.232.880.181 | 3.588.949.046 |
| - Công ty CP Thành Đạt | 2.369.731.558 | 8.829.173.558 |
| - Các đối tượng khách hàng khác | 32.157.807.768 | 41.722.596.409 |
| Cộng | 46.966.466.376 | 65.032.163.882 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | 21.407.973.989 | 20.175.047.140 |
| - Các đối tượng khác | 21.407.973.989 | 20.175.047.140 |
| Cộng | 21.407.973.989 | 20.175.047.140 |

4. Phải thu ngắn và dài hạn khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | - | - | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 1.780.131.660 | - | 1.722.150.044 | - |
| Tại văn phòng Công ty | 1.131.302.584 | - | 1.131.302.584 | - |
| - Phải thu nhân viên về bảo hiểm, thuế TNCN | 34.628.832 | - | 34.628.832 | - |
| - BQL DA ĐT XD Công trình giao thông | 840.000.000 | - | 840.000.000 | - |
| - Các đối tượng khác | 256.673.752 | - | 256.673.752 | - |
| Tại XN Xây dựng Giao thông 1 | 34.382.424 | - | 15.004.297 | - |
| Tại XN Thi công Cầu | 63.006.979 | - | 59.786.441 | - |
| Tại NM Gạch Tuynen Hải Lăng | 81.678.957 | - | 108.674.891 | - |
| Tại Chi nhánh Quảng Trị | 57.801.333 | - | 118.102.293 | - |
| Tại Chi nhánh Quảng Điền | 60.000.000 | - | 60.000.000 | - |
| Đội liên kết 3 | 70.816.047 | - | 70.637.397 | - |
| Xí nghiệp XI. 6 | 107.994.558 | - | 107.363.658 | - |
| Các đối tượng khác | 173.148.778 | - | 51.278.483 | - |
| <i>Tạm ứng CBCNV</i> | 20.028.657.408 | 4.374.534.176 | 21.083.293.630 | 3.188.569.042 |
| Cộng | 21.808.789.068 | 4.374.534.176 | 22.805.443.674 | 3.188.569.042 |

4b. Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ký cược, ký quỹ dài hạn | 331.433.386 | - | 322.497.107 | - |
| Cộng | 331.433.386 | - | 322.497.107 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Số cuối năm | Số trích lập | Số hoàn nhập | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|--------------|----------------------|
| Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên | 9.986.017.515 | 2.726.515.073 | - | 7.259.502.442 |
| Cộng | 9.986.017.515 | 2.726.515.073 | | 7.259.502.442 |

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 5.116.236.733 | - | 5.506.386.820 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 41.743.872 | - | 42.511.509 | - |
| Chi phí SXKD dở dang (*) | 62.455.772.459 | - | 52.571.653.482 | - |
| Thành phẩm (**) | 35.124.328.550 | (7.785.561.820) | 33.950.705.876 | (8.437.945.522) |
| Hàng hóa | 38.630.837 | - | 38.677.088 | - |
| Cộng | 102.776.712.451 | (7.785.561.820) | 92.109.934.775 | (8.437.945.522) |

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh tại ngày kết thúc niên độ kế toán

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Dường nhánh tây HCM | 5.322.909.622 | - |
| Công trình Đường Tỉnh Lộ 10 Phú Mỹ Thuận An | 3.986.124.778 | 3.586.124.778 |
| Đường Vành đai cứu hộ cứu nạn Tây Đông Hà | 3.625.704.350 | 1.880.104.350 |
| Đường Xuân Quy Vĩnh | 2.564.619.892 | 2.510.449.887 |
| Đường Vũng Áng - Hà Tĩnh | 2.442.738.712 | 2.442.738.712 |
| Công trình Thị trấn Khe Tre | 2.272.791.558 | 2.272.791.558 |
| Công trình nhà máy SXDC Du lịch JinQuan | 2.178.303.248 | 2.178.303.248 |
| Đường nổi tuyến số 1 vào bãi rác Lao Bảo | 1.794.615.295 | 1.794.615.295 |
| Công trình Đường Phùng Lưu | 1.661.454.056 | 436.838.383 |
| Khu Du Lịch Đông Quảng Lợi | 1.450.534.000 | 1.450.534.000 |
| Gói 1,2,3 đường Phú Lệ | 1.254.766.852 | 1.254.766.852 |
| Trường Đakrông 2 | 1.135.684.172 | - |
| Rải thảm BTN công trình Hưng Vinh và Phong Điền | 1.114.738.880 | 814.738.880 |
| Các công trình khác | 31.650.787.044 | 31.949.647.539 |
| Cộng | 62.455.772.459 | 52.571.653.482 |

(**) Số dư cuối năm của thành phẩm chủ yếu là gạch tuynel, đá xây dựng các loại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | P.tiện vận tải truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Tổng cộng |
|---|------------------------|-----------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 19.805.601.273 | 73.779.346.713 | 9.429.880.143 | 1.349.256.081 | 211.751.367 | 104.575.835.577 |
| Mua sắm trong năm | - | 921.895.267 | - | - | - | 921.895.267 |
| T/lý, nhượng bán | - | - | (316.890.909) | - | - | (316.890.909) |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 19.805.601.273 | 74.701.241.980 | 9.112.989.234 | 1.349.256.081 | 211.751.367 | 105.180.839.935 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| - Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 624.351.644 | 54.510.160.687 | 9.112.989.234 | 1.286.437.899 | 211.751.367 | 65.745.690.831 |
| - Chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 7.779.431.850 | 62.119.790.105 | 9.312.410.531 | 1.286.858.315 | 193.238.221 | 80.691.729.022 |
| Khấu hao trong năm | 834.931.428 | 1.735.557.824 | 34.474.385 | 60.202.056 | 18.513.146 | 2.683.678.839 |
| T/lý, nhượng bán | - | - | (233.895.682) | - | - | (233.895.682) |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 8.614.363.278 | 63.855.347.929 | 9.112.989.234 | 1.347.060.371 | 211.751.367 | 83.141.512.179 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 12.026.169.423 | 11.659.556.608 | 117.469.612 | 62.397.766 | 18.513.146 | 23.884.106.555 |
| Số cuối năm | 11.191.237.995 | 10.845.894.051 | - | 2.195.710 | - | 22.039.327.756 |

Trong đó: Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31/12/2020 là 18.390.570.775 đồng (Xem thuyết minh V.15).

8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Trái phiếu | 100.000.000 | 100.000.000 | 440.000.000 | 440.000.000 |
| Cộng | 100.000.000 | 100.000.000 | 440.000.000 | 440.000.000 |

Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế phát hành gồm: 100.000.000 đồng là kỳ hạn 10 năm (19/12/2018 đến 19/12/2028), lãi suất trái phiếu bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân; định kỳ 1 năm trả lãi 1 lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Mỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các Giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu này đang được thế chấp cầm cố các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Dầu khí Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế (Xem thuyết minh V.15)

9. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 210.036.544 | 95.619.305 |
| Chi phí sửa chữa chờ phân bổ | 704.581.321 | 241.049.676 |
| Chi phí bảo hiểm | 17.944.164 | - |
| Phí kiểm định trạm | 22.458.334 | - |
| Cộng | 955.020.363 | 336.668.981 |

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm:

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------|--------------------|--------------------|
| Số dư đầu năm | 241.324.936 | 221.361.362 |
| Tăng trong năm | 1.132.302.362 | 645.942.646 |
| Phân bổ trong năm | (418.606.935) | (530.635.027) |
| Số dư cuối năm | 955.020.363 | 336.668.981 |

b. Dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 558.673.030 | 156.600.482 |
| Chi phí sửa chữa chờ phân bổ | 963.595.409 | 149.244.592 |
| Phí cấp quyền khai thác khoáng sản | 682.387.135 | 619.931.363 |
| Chi phí cấp phép khai thác mỏ, mở mỏ | 2.627.918.849 | 2.413.404.041 |
| Chi phí dài hạn khác | - | 12.645.000 |
| Phí đào tạo kỹ sư khai thác mỏ | 7.587.000 | - |
| Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm | 9.090.908 | - |
| Cộng | 4.849.252.331 | 3.351.825.478 |

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỬA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số dư đầu năm | 3.447.169.523 | 2.443.376.467 |
| Tăng trong năm | 2.558.975.911 | 1.682.170.228 |
| Phân bổ trong năm | (1.156.893.103) | (773.721.217) |
| Số dư cuối năm | <u>4.849.252.331</u> | <u>3.351.825.478</u> |

10. Phải trả người bán**a. Ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các người bán khác</i> | <i>68.355.517.353</i> | <i>69.503.761.963</i> |
| - Công ty CP Dầu tư XD và TM Quốc tế ICT | 5.933.917.500 | 6.030.644.200 |
| - Các đối tượng khác | 62.421.599.853 | 63.473.117.763 |
| Cộng | <u>68.355.517.353</u> | <u>69.503.761.963</u> |

b. Dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các người bán khác</i> | - | <i>4.419.518.000</i> |
| - Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Sao Việt | - | - |
| - Công ty TNHH XD & TM Trung Việt Phát | - | 4.419.518.000 |
| Cộng | <u>-</u> | <u>4.419.518.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Người mua trả tiền trước**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Người mua trả tiền trước khác</i> | 39.680.623.927 | 21.694.497.789 |
| - Ban QLDA ĐTXD CTGT khu vực TP Huế | 15.052.606.000 | 52.606.000 |
| - Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh Thừa Thiên Huế | 9.762.450.956 | 3.967.101.956 |
| - Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Quảng Trị | 2.361.347.000 | - |
| - Công ty TNHH MTV XD Thuận An | 1.514.150.275 | - |
| - Ban QLDA 5 | - | 3.510.770.000 |
| - Cục Quản lý Đường bộ II | - | 1.767.706.000 |
| - Trường THPT số 2 Dakrong | - | 1.711.000.000 |
| - Các đối tượng khác | 10.990.069.696 | 10.685.313.833 |
| Cộng | 39.680.623.927 | 21.694.497.789 |

Chi tiết các khoản người mua trả tiền trước như sau:

| Tên đối tượng | Số cuối năm | Số hợp đồng | Ngày hợp đồng | Tên công trình | Thời gian thực hiện hợp đồng đến ngày |
|---|----------------|---------------------|---------------|---|---------------------------------------|
| - Ban QLDA ĐTXD CTGT khu vực TP Huế | 15.052.606.000 | 32/2020/HĐXL | 28/12/2020 | Nâng cấp mở rộng Đường Hà Nội | 27/05/2021 |
| - Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh Thừa Thiên Huế | 9.762.450.956 | 17/2018/HĐXL | 31/08/2018 | Công trình Đường Tỉnh Lộ 10 Phú Mỹ Thuận An | 31/12/2021 |
| | | 05/2018/HĐXL | 04/05/2018 | Cầu Vân Dương | 04/05/2021 |
| | | 21/2020/HĐXI-I.RAMP | 18/12/2020 | Đường Công vụ Hương Xuân | 14/09/2021 |
| - Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Quảng Trị | 2.361.347.000 | 09/2020/HĐ-XD | 06/04/2020 | Đường Vành đai cứu hộ cứu nạn Tây Đông Hà | 06/05/2021 |
| - Công ty TNHH MTV XD Thuận An | 1.514.150.275 | 05/2020/HĐ-TCXD | 15/06/2020 | Nâng cấp hèp phía nam đường 3-2 Thị Trấn Hải Lăng | 15/06/2021 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|--|----------------------|-------------------|------------------------|----------------------|----------------------|----------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 5.254.987.343 | 16.408.510 | 4.959.962.880 | 5.974.992.715 | 4.223.548.998 | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 863.359.715 | - | 412.590.759 | 863.359.715 | 412.590.759 | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 27.018.147 | - | 72.645.781 | 66.864.483 | 32.799.445 | |
| Thuế tài nguyên | 1.184.498.367 | - | 1.219.739.965 | 1.634.060.149 | 770.178.183 | |
| Thuế nhà đất | 903.097.686 | - | 725.368.109 | 65.974.911 | 1.562.490.884 | |
| Các loại thuế khác | - | - | 10.000.000 | 10.000.000 | - | |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 1.227.674.452 | - | 1.461.179.378 | 1.216.229.574 | 1.472.624.256 | |
| Cộng | 9.460.635.710 | 16.408.510 | 8.861.486.872 | 9.831.481.547 | 8.474.232.525 | |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Trong năm tài chính 2020, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp. Việc giảm thuế này được quy định tại điều 2 Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 116/2020/QH14 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.431.670.630 | 1.738.073.692 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để | 1.515.406.220 | 2.578.724.885 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 1.515.406.220 | 2.578.724.885 |
| + <i>Phạt chậm nộp thuế, hành chính</i> | 869.471.111 | 2.499.916.638 |
| + <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i> | 645.935.109 | 78.808.247 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 2.947.076.850 | 4.316.798.577 |
| Thu nhập được miễn thuế | - | - |
| Lỗi các năm trước được chuyển | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 2.947.076.850 | 4.316.798.577 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 589.415.370 | 863.359.715 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP | 176.824.611 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 412.590.759 | 863.359.715 |
| - <i>Chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này</i> | 412.590.759 | 863.359.715 |
| - <i>Điều chỉnh chi phí thuế TNDN kỳ trước vào chi phí thuế TNDN kỳ này</i> | - | - |
| | - | - |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Phải trả người lao động

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương phải trả | 4.203.380.179 | 4.616.741.425 |
| Cộng | 4.203.380.179 | 4.616.741.425 |

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 288.641.309 | - |
| Trích trước chi phí thi công công trình | 67.047.547 | 706.279.000 |
| Cộng | 355.688.856 | 706.279.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | 12.001.732.083 | 11.429.284.998 |
| - Kinh phí công đoàn | 354.215.838 | 529.424.318 |
| - BHXH, BHYT, BHTN | 4.424.487.185 | 3.881.463.211 |
| - Phải trả về cổ phần hóa | 3.219.226.893 | 3.219.226.893 |
| - Cổ tức phải trả | 1.329.791.920 | 1.329.791.920 |
| - Lãi vay phải trả | 1.217.189.004 | 1.154.976.699 |
| - Phụ cấp, kinh phí Đảng bộ | 20.000 | - |
| - Thù lao HĐQT, BKS | - | 36.000.000 |
| - Tạm ứng (Dư có) | 495.846.460 | 403.600.880 |
| - Tiền thí nghiệm xây lắp 6 | 18.687.500 | - |
| - Đoàn phí công đoàn | 257.233.590 | - |
| - Phí cấp quyền khai thác khoáng sản và thuê đất Công ty 368 trả hộ | 423.790.061 | - |
| - Đội xây lắp 16 | 3.868.450 | - |
| - Trợ cấp thôi việc | 49.291.500 | 49.291.500 |
| - Bảo hiểm trả cho cá nhân | 163.845.105 | - |
| - Các khoản khác | 44.238.577 | 825.509.577 |
| Cộng | 12.001.732.083 | 11.429.284.998 |

15b. Phải trả dài hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------|-------------------|-------------------|
| Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn | 10.242.319 | 14.742.319 |
| Cộng | 10.242.319 | 14.742.319 |

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i> | 57.878.714.239 | 57.878.714.239 | 72.826.186.011 | 72.826.186.011 |
| - Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế | 56.623.030.951 | 56.623.030.951 | 69.753.019.114 | 69.753.019.114 |
| - Vay ngắn hạn của các cá nhân | 1.255.683.288 | 1.255.683.288 | 3.073.166.897 | 3.073.166.897 |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i> | - | - | - | - |
| Cộng | 57.878.714.239 | 57.878.714.239 | 72.826.186.011 | 72.826.186.011 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/580064/HĐTD ngày 30/09/2019. Tổng hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng, thời gian vay và lãi suất xác định theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo tiền là toàn bộ nhà cửa, máy móc thiết bị thi công công trình (Xem thuyết minh số V.6) và giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu kỳ hạn 7 năm, 10 năm do Ngân hàng phát hành (Xem thuyết minh số V.7).
- Vay ngắn hạn các cá nhân theo từng hợp đồng vay ngắn hạn. Lãi suất vay dao động từ 5% đến 10% tùy từng hợp đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|------------------------------|--------------------|-----------------------------------|----------------------|--------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 336.627.032 | 44.387.006 | (127.050.000) | 253.964.038 |
| Cộng | 336.627.032 | 44.387.006 | (127.050.000) | 253.964.038 |

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|---------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------------------|---|-----------------------|
| Số đầu năm trước | 27.355.000.000 | (126.000.000) | 4.247.125.283 | 945.955.533 | 470.390.150 | 32.892.470.966 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | 874.713.977 | 874.713.977 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | - | (47.039.015) | (47.039.015) |
| Chia cổ tức cho các cổ đông | - | - | - | - | (410.325.000) | (410.325.000) |
| Số dư cuối năm trước | 27.355.000.000 | (126.000.000) | 4.247.125.283 | 945.955.533 | 887.740.112 | 33.309.820.928 |
| Số dư đầu năm nay | 27.355.000.000 | (126.000.000) | 4.247.125.283 | 945.955.533 | 887.740.112 | 33.309.820.928 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | 1.019.079.871 | 1.019.079.871 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | - | (44.387.006) | (44.387.006) |
| Chia cổ tức cho các cổ đông | - | - | - | - | (820.650.000) | (820.650.000) |
| Số dư cuối năm nay | 27.355.000.000 | (126.000.000) | 4.247.125.283 | 945.955.533 | 1.041.782.977 | 33.463.863.793 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỦA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------|-----------------------|----------------|-----------------------|----------------|
| | Số tiền | Tỷ lệ | Số tiền | Tỷ lệ |
| Vốn góp của Ông Phạm Văn Đức | 6.588.650.000 | 24,09% | 6.588.650.000 | 24,09% |
| Vốn góp của Ông Nguyễn Đăng Bảo | 3.739.800.000 | 13,67% | 3.739.800.000 | 13,67% |
| Vốn góp của Ông Trần Chính | 2.921.630.000 | 10,68% | 2.921.630.000 | 10,68% |
| Vốn góp của Ông Lê Viết Trí | - | 0,00% | - | 0,00% |
| Vốn góp của Bà Ngô Thị Lệ Hương | 1.655.040.000 | 6,05% | 1.655.040.000 | 6,05% |
| Vốn góp của Ông Đặng Quý | 1.556.830.000 | 5,69% | 1.556.830.000 | 5,69% |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 10.893.050.000 | 39,82% | 10.893.050.000 | 39,82% |
| Cộng | 27.355.000.000 | 100,00% | 27.355.000.000 | 100,00% |

18c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|----------------|----------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 27.355.000.000 | 27.355.000.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| + Vốn góp cuối năm | 27.355.000.000 | 27.355.000.000 |
| - Cổ tức đã chia | 820.650.000 | 410.325.000 |

18d. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 2.735.500 | 2.735.500 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 2.735.500 | 2.735.500 |
| - Cổ phiếu thường | 2.735.500 | 2.735.500 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu thường | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 2.735.500 | 2.735.500 |
| - Cổ phiếu thường | 2.735.500 | 2.735.500 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu) | 10.000 | 10.000 |

18e. Cổ tức

Dại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty số 01-NQ/DH ngày 15 tháng 05 năm 2020 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2019 bằng tiền với tỷ lệ 3% vốn điều lệ, tương ứng số tiền: 820.650.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Doanh thu xây lắp | 112.344.534.324 | 111.990.357.640 |
| Doanh thu bán VLXD, cho thuê thiết bị,.... | 34.040.671.958 | 39.710.886.500 |
| Cộng | 146.385.206.282 | 151.701.244.140 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Giá vốn xây lắp | 99.059.423.609 | 99.752.004.625 |
| Giá vốn VLXD, cho thuê thiết bị,.... | 29.217.119.260 | 33.034.743.517 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (652.383.702) | - |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | 345.260.691 |
| Cộng | 127.624.159.167 | 133.132.008.833 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|-------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 46.264.880 | 160.245.423 |
| Cộng | 46.264.880 | 160.245.423 |

4. Chi phí tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay | 6.969.733.246 | 7.138.425.193 |
| Cộng | 6.969.733.246 | 7.138.425.193 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên bán hàng | 907.731.781 | 482.961.682 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | - | 171.893.382 |
| Các khoản khác | 2.193.046.506 | 2.076.289.383 |
| Cộng | 3.100.778.287 | 2.731.144.447 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 2.682.565.253 | 3.052.712.589 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 120.693.468 | 189.171.047 |
| Chi phí dự phòng | 2.726.515.073 | 728.867.839 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 83.526.732 | 277.568.191 |
| Chi phí khác | 553.689.870 | 388.860.653 |
| Cộng | 6.166.990.396 | 4.637.180.319 |

7. Thu nhập khác

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|--------------------|-------------------|
| Lãi do thanh lý, nhượng bán TSCĐ | - | 79.140.000 |
| Thu tiền bảo hiểm BIC bồi thường | 78.045.259 | - |
| Các khoản khác | - | 14.927.806 |
| Xử lý công nợ | 56.762.217 | - |
| Cộng | 134.807.476 | 94.067.806 |

8. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Tiền lễ ngày 2/9 | 33.200.000 | - |
| Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế, BHXH | 869.471.111 | 2.499.916.638 |
| Chi phí sửa chữa nhà xưởng | 232.935.920 | - |
| Chi phí thi hành án | 31.431.513 | - |
| Giá trị còn lại của xe ô tô đã thanh lý | 73.904.318 | - |
| Chi phí khác | 32.004.050 | 78.808.247 |
| Cộng | 1.272.946.912 | 2.578.724.885 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------|--------------|
| - Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.019.079.871 | 874.713.977 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | (50.953.994) | (44.387.006) |
| + Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu | - | - |
| + Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi | - | - |
| + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | (50.953.994) | (44.387.006) |
| - LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông | 968.125.877 | 830.326.971 |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu) | 2.735.500 | 2.735.500 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu) | 354 | 304 |

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi tạm tính theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01-NQ/ĐH ngày 15 tháng 05 năm 2020.

Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------|------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 2.735.500 | 2.735.500 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại | - | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong | 2.735.500 | 2.735.500 |

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------|-------------|
| - Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ | 968.125.877 | 830.326.971 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận: | | |
| + Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi | - | - |
| + Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi | - | - |
| - Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | 968.125.877 | 830.326.971 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | 2.735.500 | 2.735.500 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) | 354 | 304 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 65.134.009.506 | 66.463.275.006 |
| Chi phí nhân công | 43.500.156.876 | 42.019.558.367 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.683.678.839 | 3.885.667.992 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 23.676.646.542 | 24.159.843.410 |
| Chi phí khác | 7.561.942.592 | 7.716.267.951 |
| Cộng | 142.556.434.355 | 144.244.612.726 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền thu từ đi vay**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|------------------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 91.525.891.202 | 104.765.903.072 |
| Cộng | 91.525.891.202 | 104.765.903.072 |

2. Tiền trả nợ gốc vay

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Tiền chi trả nợ vay theo kế ước thông thường | 106.473.362.974 | 112.138.111.552 |
| Cộng | 106.473.362.974 | 112.138.111.552 |

II. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Đơn vị tính: VNĐ)**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty chỉ có giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Hội đồng quản trị | 607.165.575 | 576.358.500 |
| <i>Thù lao</i> | 138.000.000 | 82.500.000 |
| <i>Cổ tức</i> | 469.165.575 | 493.858.500 |
| Ban điều hành | 447.167.620 | 413.439.600 |
| <i>Tiền lương</i> | 442.000.000 | 408.000.000 |
| <i>Cổ tức</i> | 5.167.620 | 5.439.600 |
| Ban kiểm soát | 75.757.365 | 48.185.900 |
| <i>Thù lao</i> | 60.000.000 | 35.000.000 |
| <i>Cổ tức</i> | 15.757.365 | 13.185.900 |
| Cộng | 1.130.090.560 | 1.037.984.000 |

2. Báo cáo bộ phận*Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Trong năm, Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động xây lắp
- Hoạt động kinh doanh khác

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Hoạt động xây lắp | Hoạt động khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|-------------------|----------------|-----------------------|-----------------|
| Năm nay | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 112.341.534.324 | 34.040.671.958 | - | 146.385.206.282 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 112.341.534.324 | 34.040.671.958 | - | 146.385.206.282 |
| Giá vốn bộ phận | 98.407.039.907 | 29.217.119.260 | - | 127.624.159.167 |
| Lợi nhuận gộp bộ phận | 13.937.494.417 | 4.823.552.698 | - | 18.761.047.115 |
| Năm trước | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 111.990.357.640 | 39.710.886.500 | - | 151.701.244.140 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 111.990.357.640 | 39.710.886.500 | - | 151.701.244.140 |
| Giá vốn bộ phận | 99.752.004.625 | 33.380.004.208 | - | 133.132.008.833 |
| Lợi nhuận gộp bộ phận | - | 6.330.882.292 | - | 18.569.235.307 |

Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Riêng chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do có sự thay đổi về phân phối các Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01-NQ/DH ngày 15 tháng 05 năm 2020 so với số tạm tính nên chỉ tiêu này được trình bày lại như sau:

| Chỉ tiêu | Mã số | Số liệu năm trước đã kiểm toán | Số liệu năm trước xác định lại | Chênh lệch |
|-----------------------------------|-------|--------------------------------|--------------------------------|------------|
| Báo cáo kết quả kinh doanh | | | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 18 | 288 | 304 | 16 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 19 | 288 | 304 | 16 |

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

Huế, ngày 27 tháng 03 năm 2021

Người lập

NGUYỄN VĂN HẬU

Kế toán trưởng

NGÔ THỊ LỆ HƯƠNG

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐĂNG BẢO

